

Số: /BC-BQLKCN

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”**

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn giám sát HĐND D tỉnh Ninh Thuận về giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”,

Ban Quản lý các khu công nghiệp báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”, như sau:

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Ban Quản lý các khu công nghiệp đã triển khai kịp thời và hiệu quả các các kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy trong việc thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, cụ thể: Nghị quyết số 16/NQ/TU ngày 12/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến năm 2020; Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt”; : Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/02/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018; Chỉ thị số 10-CT/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

- Thường xuyên chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị về phòng, chống tham nhũng như: Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/02/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018; Chỉ thị số 10-CT/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Nghị quyết số 16/NQ/TU ngày 12/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến năm 2020; Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt”.

- Hàng năm, chỉ đạo xây dựng các Kế hoạch:

+ Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí;

+ Kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc; quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại cơ quan Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận kịp thời và đúng quy định.

2.3. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách): **Không có.**

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

- Thực hiện Chỉ thị số 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong phát hiện, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm minh hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc tại Ban Quản lý các khu công nghiệp; Cấp ủy Chi bộ và Ban Lãnh đạo phải đề cao trách nhiệm nêu gương, gương mẫu thực hiện và

tăng cường trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

- Thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập: Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018 thì việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập và việc kê khai của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật; việc kê khai thực hiện theo mẫu do Chính phủ quy định

### 3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan:

- Các hoạt động của cơ quan đều được phổ biến cho toàn thể cán bộ-công chức; các quy định trong giải quyết công việc được công khai tại bộ phận "một cửa" và mạng nội bộ của cơ quan. Qua quá trình tổ chức thực hiện, toàn thể cán bộ-công chức nắm rõ các diễn biến hoạt động của cơ quan, hạn chế được việc cá nhân lợi dụng vị trí công tác gây khó khăn cho các đối tượng đến giao dịch. Các công dân và tổ chức đến cơ quan liên hệ công tác được giải quyết công việc nhanh, hướng dẫn rõ ràng về các thủ tục.

- Công tác cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng, xác nhận hợp đồng thuê đất... công tác tiếp dân, được thực hiện công khai theo quy chế "một cửa", đúng thời gian quy định; cán bộ, công chức không có hiện tượng nhũng nhiễu, rườm rà, kéo dài thời gian khi giải quyết công việc.

- Việc quản lý sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước để mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định được áp dụng theo quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, luôn tuân thủ theo quy định của Nhà nước, công tác xây dựng cơ bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý xây dựng cơ bản.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- Ban Quản lý các khu công nghiệp đã kịp thời ban hành và sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế chi tiêu phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan: Quy chế Chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý và sử dụng tài khoản công;... thực hiện hiệu quả tiết kiệm kinh phí hoạt động của cơ quan.

- Việc thực hiện các quy chế đã không thể xảy ra việc lợi dụng của công, sử dụng tài sản của cơ quan vào việc riêng. Trong thời gian qua tài sản được sử dụng đúng theo chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

Cán bộ, công chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp không nhận quà tặng trái quy định của pháp luật.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

- Cơ quan đã xây dựng và ban hành quy chế văn hóa công sở; quy tắc ứng xử và đã phổ biến cụ thể đến từng cán bộ, công chức. Trong thời gian qua, chưa có trường hợp cán bộ-công chức vi phạm các chuẩn mực xử sự trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, đối với các cá nhân và tổ chức bên ngoài.

- Cán bộ, công chức không có hành vi nhũng nhiễu, cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Giải quyết công việc được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thời gian quy định.

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng (báo cáo số người được chuyển đổi trong kỳ báo cáo):

Trong giai đoạn 2016-2021, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 03 lượt lượt cán bộ, công chức nhằm phòng ngừa tham nhũng.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Ban Quản lý các khu công nghiệp đã triển khai và toàn thể cán bộ - công chức thực hiện nghiêm các nội dung của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Không xảy ra vụ việc phải xem xét xử lý.

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính:

- Thường xuyên cập nhật các Luật và văn bản hướng dẫn mới của các cơ quan cấp trên, nhằm rà soát tham mưu sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý các khu công nghiệp, cũng như các nội quy, quy chế liên quan đến hoạt động của Ban.

- Hàng năm triển khai Xây dựng và thực hiện hiệu quả, đồng bộ các kế hoạch liên quan đến công tác cải cách hành chính.

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan:

- Triển khai áp dụng các quy trình, thủ tục hành chính theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đối với công việc quản lý hành chính tại cơ quan.

- Triển khai áp dụng các ứng dụng dùng chung của tỉnh vào hoạt động quản lý hành chính.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Thực hiện phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản ngân hàng theo đúng quy định hiện hành.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực

hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng:

Trong giai đoạn 2016-2021, Ban Quản lý các khu công nghiệp không xảy ra trường hợp có hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng.

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

Ban Quản lý các khu công nghiệp luôn kịp thời xử lý, giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

Không có trường hợp bị phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng.

4.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có

4.2. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Không có.

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không có

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có

4.5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

5.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: 02 cuộc.

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận: 02 cuộc

5.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Tổng số cuộc thanh tra:

Giai đoạn 2016-2021, có 02 cuộc thanh tra do Thanh tra Sở Tài chính và Thanh tra Chính phủ thực hiện tại đơn vị và đã có kết luận thanh tra.

+ Cuộc thứ nhất theo Quyết định số 43/QĐ-STC ngày 10/6/2019 của

Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách, nguồn thu khác tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận; Kết luận thanh tra của Giám đốc Sở Tài chính tại Kết luận số 2221/KL-STC ngày 19/8/2019.

+ Cuộc thứ hai theo Quyết định số 507/QĐ-TTCP ngày 17/7/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thanh tra việc thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai; hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi; quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (thời kỳ từ 01/11/2014 đến 31/12/2018); Kết luận thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 1240/KL-TTCP ngày 24/7/2020.

- Số cuộc đã ban hành kết luận:

+ Về tài chính: 01 (Kết luận số 2221/KL-STC ngày 19/8/2019 của Sở TC).

+ Về đất đai: 03 (theo Kết luận số 1240/KL-TTCP ngày 24/7/2020 của Tổng Thanh tra Chính phủ).

+ Về công tác khác: 03 (theo Kết luận số 2221/KL-STC ngày 19/8/2019 của Sở Tài chính).

- Tổng số các tổ chức, cá nhân có sai phạm:

+ Tổ chức: 03 ( VP Ban Quản lý các khu công nghiệp; Phòng Nghiệp vụ; Trung tâm Khai thác hạ tầng và Hỗ trợ đầu tư)

+ Cá nhân: 07 (gồm các ông, bà: Sử Đình Vinh – Trưởng ban; Huỳnh Ngọc Sơn – Phó Trưởng ban; Hoàng Ngọc Lợi – Trưởng phòng Nghiệp vụ; Nguyễn Thị Hoài Ái – Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ; Nguyễn Bình Phương Thy – Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ; Phạm Thị Minh – Chánh Văn phòng, kế toán trưởng; Phan Tiến Khoa - Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, kiêm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm).

- Kết quả xử lý: Đối với Tập thể và cá nhân bằng hình thức kiểm điểm rút kinh nghiệm.

- Tổng số các kiến nghị của các Đoàn Thanh tra đối với các sai phạm đã được phát hiện nói trên:

+ Số kiến nghị xử lý hành chính: 0

+ Số kiến nghị chuyển Cơ quan điều tra: 0

+ Số kiến nghị khác: 07

+ Số kiến nghị đã thực hiện: 07

+ Số kiến nghị chưa thực hiện: 0

- Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị về thanh tra:

+ Số sai phạm, kiến nghị xử lý của kết luận thanh tra đã được chỉ đạo và thực hiện: 07

+ Số sai phạm, kiến nghị không được chấp nhận, chưa được kết luận: 0

+ Số kết luận đã thực hiện: 07

+ Số kết luận chưa thực hiện: 0

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình

- Tóm tắt nội dung vụ việc, nêu rõ số lượng cán bộ, công chức thanh tra bị xử lý kỷ luật do có hành vi tham nhũng: **Không có**

- Báo cáo số cán bộ, công chức thanh tra bị cơ quan chức năng khởi tố, điều tra; giá trị tài sản tham nhũng, kết quả thu hồi như thế nào: **Không có**

7. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN

7.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng:

Phối hợp, hỗ trợ hiệu quả cho các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng.

7.2. Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng:

Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác đã hỗ trợ, tăng cường giám sát giúp việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan được hiệu quả hơn.

## **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

1. Việc chỉ đạo, điều hành công tác THPTK, CLP

- Triển khai thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan. Chi tiêu tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch và có hiệu quả nguồn kinh phí cấp, thực hiện công khai các khoản thu, chi tài chính của cơ quan theo định kỳ hàng quý.

- Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết, đi công tác trong nước và những khoản khác theo hướng dẫn chung của Bộ Tài chính.

- Việc mua sắm tài sản luôn thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước:

Thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả kinh phí chi thường xuyên của ngân

sách nhà nước cấp theo đúng quy định về phân cấp và các quy định của pháp luật.

- Ban hành đầy đủ các quy định về quản lý, định mức chi tiêu và sử dụng ngân sách được cấp hàng năm theo đúng quy định.

- Kết quả tiết kiệm các khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước: trong giai đoạn 2016-2021, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên là 819,3 triệu đồng.

- Việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25/10/2017; việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập:

Kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ cho Trung tâm khai thác hạ tầng và Hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Trong giai đoạn 2016-2021, Ban Quản lý các khu công nghiệp không được giao thực hiện nhiệm vụ các dự án đầu tư công.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia: Trong giai đoạn 2016-2021, Ban Quản lý các khu công nghiệp không thực hiện quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

- Triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định.

- Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

Ban Quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 21/02/2018; Chương trình hành động số 181-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy: Kiện toàn lại bộ máy tổ chức (từ 04 phòng chuyên môn thành 02 phòng chuyên môn); tinh giản 02 biên chế công chức (100% kế hoạch).



### 7. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

Theo quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt (*Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 14/01/2016*), tỉnh Ninh Thuận quy hoạch 04 Khu công nghiệp (KCN: Du Long: 407ha; Thành Hải: 77,987ha; Phước Nam: 370ha; Cà Ná: 827,2ha) với tổng diện tích 1.682,187 ha. Trong đó:

- Số lượng KCN đã được thành lập và đi vào hoạt động: 03 KCN (Du Long, Phước Nam, Thành Hải).

- Số lượng KCN chưa thành lập: 01 KCN (Cà Ná).

- Tỷ lệ lấp đầy KCN Thành Hải: 100%.

- Tỷ lệ lấp đầy KCN Phước Nam: 18,6%.

- Tỷ lệ lấp đầy KCN Du Long: 1.66%.

### 8. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Ban Quản lý các khu công nghiệp không có lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

9. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp: (Không có).

10. Việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013:

Ban Quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện công khai đầy đủ các thông tin, nội dung về lĩnh vực, hoạt động của cơ quan theo đúng quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

### 11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc THPTK, CLP:

Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát nội bộ về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Chi bộ và Công đoàn). Qua đó cơ quan đã thực hiện ngày càng tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Không có)

#### *Nơi nhận:*

- Đoàn giám sát HĐND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài Chính;
- Lưu: VT.HK

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Huỳnh Ngọc Sơn**

**Ban Quản lý các khu công nghiệp**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**  
*(Số liệu tính từ năm 2016-2021)*

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU <i>(Theo từng năm)</i>
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	16 người/năm
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	12 buổi/năm (sinh hoạt định kỳ)
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	<b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>		
	<b><i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch</i></b>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	01
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
	<b><i>Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i></b>		
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	01
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	01
10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	01 cuộc/năm
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định	Người	0

	mức, tiêu chuẩn, chế độ		
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<b>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</b>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	01 (tự kiểm tra)
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	Người	0
	<b>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</b>		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	01
23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	05
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác	Người	0
25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người	0
	<b>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập</b>		
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	11
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</b>		
28	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0

29	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
30	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	<b><i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i></b>		
31	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	28
32	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	28
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Triệu đồng	0
34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	0
	<b><i>Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước</i></b>		
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV	0
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
	<b><i>Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, đơn vị</i></b>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	0
42	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người	0
	<b><i>Qua hoạt động thanh tra, giám sát</i></b>		

44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người	0
<b><i>Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng</i></b>			
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh	0
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo	0
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
51	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
<b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>			
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được quan chức năng khởi tố	Người	0
<b><i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i></b>			
56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		0

	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		0
	+ Tặng Giấy khen		0
	<b>XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>		
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử	Vụ	0
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
63	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	<b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</b>		
66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
67	Đất đai	m <sup>2</sup>	0
	<b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</b>		
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		0
69	Đất đai	m <sup>2</sup>	
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		0

	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
70	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
71	Đất đai	m <sup>2</sup>	0

**Ban Quản lý các khu công nghiệp**

**PHỤ LỤC 2**  
**THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHỮNG, TIÊU CỰC**

T T	Tên nội dung văn bản đã ban hành	Số văn bản, ngày, tháng, năm cấp ban hành	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục		
				Đã xong	Đang thực hiện hoặc kiến nghị thực hiện	Chưa thực hiện
1	Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận	Số 35/2019/QĐ-UBND tỉnh, ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận	Tổ chức bộ máy giúp việc chỉ có 02 phòng (Văn phòng và Phòng Nghiệp vụ). Hiện nay tất cả nội dung và đầu mối thực hiện công tác quản lý nhà nước về các KCN đều tập trung vào Phòng Nghiệp vụ.		Đang kiến nghị xin chủ trương Tổ chức bộ máy giúp việc gồm 03 phòng chuyên môn	



**Ban Quản lý các khu công nghiệp**

**PHỤ LỤC 3**  
**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG**  
**ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ BÁO CÁO**

---

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc, kết quả xử lý, giải quyết
...	(không có)			